

CHƯƠNG SỞ TRI LUẬN

Nguyên Đế Sư Phát Hợp Tư Ba tạo Luận.

QUYỂN HẠ

Tóm gọn các nơi Thuyên Thọ giải thích giáo như Giang Hoài, Phúc Kiến v.v... Pháp Tánh Tam Tạng Hoàng Giáo Phật Trí Đại sư Sa La Ba dịch.

Bắt đầu là ba đời Đế, Vương, Tổ cuối phần nhiều là vương lúc ấy phân chia ruộng đất, rồi cùng nhau khởi lên xâm chiếm. Ban đầu dấy lên việc trộm cắp bị vua truy hỏi bèn nói: không từng lấy trộm, bắt đầu khởi lên vọng ngữ. Dùng vương pháp tri phạt, đánh giết. Mà có phát sát hại pháp bất thiện sanh ra, sát hại sanh ra pháp bất thiện. Lúc bấy giờ, chúng sanh tạo pháp bất thiện, sau khi mạng chung liền sanh vào bàng sanh. Kế đến sanh vào ngã quỷ, rồi lần lần sanh vào địa ngục, kế đến ngục vô gián có một hữu tình, lúc ấy cuối kiếp thành, hữu tình như vậy hành các điều bất thiện thọ lượng giảm dần dụng nghèo thiếu. Người cõi Diêm phù đề thọ mạng tám vạn tuổi và ngục vô gián có một hữu tình, cả hai đồng thời. Như vậy, tình thế giới thành mười chín trung kiếp, khí thế giới thành tức một trung kiếp. Như vậy kiếp Thành gồm hai mươi Trung kiếp. Khi người cõi Diêm phù đề tám vạn tuổi, bắt đầu là kiếp trụ kiếp trụ cũng trải qua hai mươi trung kiếp xuống đến lúc mười tuổi đao binh tai biến nổi lên, chỉ có bảy ngày đêm, tật dịch tai ách nổi lên; bảy tháng, bảy ngày đói khát tai ách nổi lên, chỉ có bảy năm, bảy tháng bảy ngày phần nhiều là chết hết, những người còn sống sót nhìn nhau, khởi tâm hy vọng cùng nhau yêu thương luyến tiếc không nở xa lìa, không nở sát hại. Rồi từ từ tâm thiện mới sanh trở lại. Thọ lượng thọ dụng lại tăng lên nhiều đến tám vạn tuổi. Khi lúc tăng lên như vậy có Chuyển luân vương xuất hiện dựa vào giáo pháp hóa độ chúng dân, đến lúc giảm xuống thì Bà Già Phạm xuất thế để cứu độ chúng sanh. Giữa lúc tăng giảm đó Độc giác xuất thế, làm phước điền cho các hữu

tình. Kiếp Trụ cũng trải qua hai mươi trung kiếp. Ban đầu kiếp hoại, tình thế giới ban đầu hoại, trong ngục vô gián không có hữu tình sanh, nghiệp đời trước hết liền sanh loài khác, như có chưa hết sanh vào địa ngục trên, hoặc sanh vào địa ngục ở thế giới khác. Ngục vô gián trống không cứ như vậy các địa ngục bên trên lần lần trống rỗng, Sanh vào ngã quý, như vậy chốn ngã quý bằng sanh trống rỗng. Trong cõi vào chốn người trừ người Cửu Lâu, còn lại cùng với dục Trời Dục không có thầy dạy, pháp tự nhiên đạt được thiên, sơ tính lự sanh ở trời Sơ Thiên. Người Bắc Cửu Lâu sanh trong Trời Dục Đạt sơ tính lự sanh trời Sơ Thiên. Lại không có thầy dạy, pháp tự nhiên đạt thiên thắng hoạch nhị tính lự sanh trời Nhị Thiên. Từ Vô gián ngục đến Phạm thế trống rỗng. Như vậy cũng trải qua mười chín trung kiếp, về sau bốn châu có bảy mặt trời xuất hiện. Ban đầu không giáng mưa, cỏ cây cỏ thuốc đều chết khô héo. Lúc hai mặt trời xuất hiện sông ngòi ao rãnh khô không còn một giọt nước. Lúc ba mặt trời xuất hiện sông Căng-già v.v... đều khô cạn kiệt. Bốn mặt trời xuất hiện, ao nước Vô nhiệt cạn hết. Năm mặt trời xuất hiện, nước trong biển chỉ còn ngang đầu gối, sáu mặt trời xuất hiện, biển lớn cũng cạn luôn. Lúc bảy mặt trời xuất hiện, là khí thế giới như một khối lửa trên cao. Từ ngục Vô gián suốt đến cõi Phạm thế bị khối lửa này thiêu đốt hoại hết trải qua một trung kiếp. Tổng kiếp Hoại trải qua hai mươi trung kiếp. Kiếp không cũng như vậy. Như vậy bốn kiếp Thành Trụ Hoại, Không, là tám mươi kiếp. Tổng tám mươi kiếp đây là một đại kiếp, cũng là thọ lượng của các trời Phạm chúng v.v...

Khí thế giới hoại đây có ba loại: Lửa, nước, gió. Hoại đó cũng như trước đã nói. Như vậy bảy lần, thế giới sau đó lại thành. Lại bị nước dâng làm hư hoại đến Nhị thiên. Từ trời Cực Quang. Liền sanh ra, mây lớn kết tụ lại, giáng mưa lớn xuống. Tức là khí thế giới này như bị thủy hóa, tất cả nóng đốt đều hết và nước kia cũng tự khô kiệt. Cứ một lần thủy tại lại bảy lần hỏa tai; trải qua bảy hỏa tai lại một thủy tai, cứ như vậy, bảy lần gồm cả hai, lại bảy hỏa tai nữa thì thế giới sau thành. lại bị Phong tai (gió), làm hư hoại đến cõi trời Tam Thiên. Sức gió này thổi tan cả núi Diệu Cao, hướng gì ngoài thứ khác! Trời Tứ Thiên tuy không có tai họa bên ngoài nhưng các hữu tình ấy sanh ra cùng với cung điện cũng sanh ra; mạng hết thì cung điện ẩn mất, như vậy khí, tình thế giới. Cùng thành loại bao gồm đều nói xong.

Lại nữa nhân quả tương tục duyên sanh pháp đó là: Nhân duyên tương tục mà sanh, cho nên gọi là duyên sanh. Duyên sanh có hai: Ngoại duyên sanh, và Nội duyên sanh. Ngoại duyên sanh đó là thành pháp thế

giới, như hạt giống sanh mầm, như trước đã nói rồi. Nội duyên sanh ra đó, như là có vô minh tức có hành v.v... gọi là thuận duyên sanh; như vô minh diệt tức hành diệt v.v... là nghịch duyên sanh. Thuận duyên sanh có bảy thứ, còn căn cứ nơi vị, nối tiếp xa, trói buộc ngay, sát na, ba đời, hai trùng nhân quả, ba hoặc v.v... Căn cứ nơi vị tức là năm uẩn trong phần vị các phiền não thuộc đời trước, gọi là vô minh, do vô minh mạnh hơn nên nói như thế, trở xuống đều từ đặc tính mạnh mà gọi. Các pháp như hành v.v..., mỗi mỗi có đủ năm uẩn. Hành là năm uẩn thuộc nghiệp thiện, bất thiện, mà đời trước đã tạo. Thức là khi chánh kết sanh trong thai mẹ. Năm uẩn trong phần vị, một sát na có được. Danh sắc là sau khi thức kết sanh, là năm uẩn trong thời gian trước khi sáu xứ sanh ra. Danh là bốn uẩn: Thọ, tưởng, hành, thức. Danh sắc là phần vị ở thai: Yết-la-lam (đây dịch là hòa hợp, cũng gọi là ngưng đọng trơn). Át-bộ đàm (đây dịch bào kết) Thi-hộ. (Đây dịch nhục đoàn tức là cục thịt) kiện nam (Đây dịch kiên thật, Bát-la-xà-khư. (Đây dịch chi thể cân lực tức thân thể tay chơn gân sức lực) năm thứ này gọi là Danh sắc, sáu xứ là ở trong thai mẹ, từ mất v.v... sanh ra đến ba thứ hòa hợp, là năm uẩn của phần vị chưa liễu biệt cảnh. Xúc là ba thứ căn, cảnh, thức hòa hợp, chưa có thể liễu biệt nhân khổ vui, tức năm uẩn trong vị này. Thọ là đã hiểu ba nhân thọ với tướng sai khác. Như khi còn bé, năm uẩn trong phần vị thọ này chưa khởi tâm dâm. Ái là năm tuổi dậy thì có thể hiểu rõ dâm dục, nhưng năm uẩn trong phần vị này chưa rộng tìm cầu. Thủ đó là năm uẩn trong phần vị này vì muốn được các món thượng diệu tài vật của cải đầy đủ, nên chạy tìm cầu khắp nơi. Hữu là năm uẩn trong phần vị này: nhân vì chạy đi tìm cầu cho nên tích tập chứa nhóm, có thể lôi kéo đến nghiệp quả: Sanh là năm uẩn trong phần vị này do nghiệp lực ấy, từ đây xả bỏ thân mạng, chánh kết đương có. Lão tử là: Năm uẩn trong phần vị này từ đương lai sanh ra danh sắc đến Thọ. Đây là thuyết Nhất thiết Hữu bộ nói.

Căn cứ vị duyên sanh, tức là nối tiếp xa. Ràng buộc ngang cũng như vậy. Kinh Bộ tông thì không căn cứ vị mà nói. Nối tiếp xa nghĩa là vô minh trái với minh, là nhân của tâm sở pháp hành. Hành đó chỗ phát khởi nghiệp phúc và phi phúc bất động các nghiệp. Thức là do nghiệp dẫn, khiến cho thức sanh ra. Danh sắc đó là năm uẩn trong thai. Sáu xứ là Nhân và các căn sanh. Xúc là: Căn, cảnh, thức thứ ba hòa hiệp liễu biệt là tâm sở pháp. Thọ đó là do chỗ kia sanh ra khổ vui, xả bỏ v.v... Ái là tham trước cảnh vui. Thủ là tìm cầu cảnh kia. Hữu đó là do kia phát khởi thành nghiệp đời đương lai. Sanh là do nghiệp tương tục kết. Lão

tử là, khiến cho sanh đời kia cuối cùng chuyển đến chết. Căn cứ ràng buộc cũng nói như đây.

Nói theo sát na đó là: do một sát na có mười hai chi duyên sanh đầy đủ, do tham hành sát hại si là vô minh; đoạn mạng tức là hành. Nơi các cảnh việc hiểu rõ phân biệt gọi là thức. Ngũ uẩn đồng đều tổng xưng là danh sắc, Trụ căn danh sắc, gọi là sáu xứ: Căn, cảnh, thức, ba hòa hợp, có, xúc, nhân xúc làm thọ. Tham tức là ái các ràng buộc tương ứng với ái gọi là thủ. Khởi lên thân, ngũ hai nghiệp gọi là Hữu. Như vậy các pháp tập khởi gọi là sanh, khi thuần thực chín mùi biến đổi gọi là lão. Hoại diệt gọi là tử.

Nói theo ba đời: Vô minh với hành thuộc quá khứ, gọi là chi nhân. Năm chi: Thức v.v... thuộc hiện tại là chi quả. Ái, thủ, hữu ba chi thuộc hiện tại gọi là chi nhân vị lai, Sanh, lão tử hai chi thuộc vị lai gọi là chi quả. Như vậy quá khứ hai chi, hiện tại tám chi và vị lai hai chi thành mười hai chi.

Nói theo hai lớp nhân, quả có hai: Một là đời trước (Tiền tế). Hai là đời sau. (Hậu tế) đời trước tức vô minh là hoặc. Hành tức là nghiệp. Hai chi nhân này do chúng mà sanh năm chi: Thức v.v... tức chi quả? Đây là một lớp nhân quả. Hiện tại hai chi ái thủ là hoặc. Hữu tức là nghiệp. Ba thứ này là nhân đương lai. Do chúng sanh ra. Sanh, lão tử đương lai tức là chi quả. Đây là một lớp nhân quả. Như vậy mười hai chi hữu có hai lớp nhân quả. Nói theo ba hoặc: Nghĩa là ba thứ vô minh, ái, thủ, tức là hoặc. Hành, và Hữu hai chi này tức là nghiệp. Gọi là tập đế. Bảy chi: Thức v.v... là khổ, gọi là khổ đế tức thuận duyên sanh. Là nghịch duyên sanh, là vô minh diệt tức là hành diệt, vô minh diệt thì hiểu rõ trí vô ngã, tức là đạo đế. Nếu như vô minh diệt sanh nhân thì hành diệt, dẫn nghiệp diệt cho nên năm chi Thức v.v... diệt. Do là diệt nên, khởi phát nghiệp ái thủ sau này diệt. Do là diệt nên sanh lão tử v.v... thấy đều diệt. Tức là diệt đế. Nói tứ đế đã xong.

Khí tình duyên sanh và Tứ đế v.v... đều thuộc về năm pháp.

1. Sắc pháp.
2. Tâm pháp.
3. Tâm sở pháp.
4. Bất tương ứng pháp.
5. Vô vi pháp.

- Sắc pháp, tức là sắc uẩn năm căn, năm cảnh, và vô biểu sắc v.v... tổng mười một pháp: Năm căn là nhãn căn cực vi tế như hoa Hương xoa. Trên nhãn tinh cầu, phân bố mà trụ. Nhĩ căn cũng cực vi tế, như

lớp da cuộc lại nằm trong hang tai. Tỵ căn cực vi tế, như hai móng vuốt ở trong trán mũi. Thiệt căn cực vi tế, hình như bán nguyệt phân bố trên lưỡi. Thân căn cực vi tế cũng như thân lượng, từ tên đánh đầu đến chân khắp đều ở trong thân căn. Căn là trần cho nên không thể duyên theo cảnh. Nói năm cảnh: Sắc là cảnh duyên của mắt. Có hai loại sắc: Hiển sắc, và hình sắc. Hiển sắc có bốn loại sắc. Xanh vàng, đỏ, trắng. Hình sắc có mười sáu loại: Dài, ngắn, vuông tròn, cao thấp, ngay, không ngay sáng, bóng, rõ, tối, mây, khói, bụi, sương v.v... hai mươi số. Thanh là cảnh duyên của tai. Có hai loại âm thanh. Một là chấp giữ lấy nhân như lời nói v.v... Hai là không chấp giữ, nhân như là tiếng trống. Hai thứ hữu ký và vô số ký, mỗi thứ có hai nhân là bốn. Còn có âm thanh vừa ý và không vừa ý sai biệt thành ra sáu. Hương là cảnh duyên của mũi. Có bốn loại: Thơm, thối, bình thường và không bình thường khác biệt nhau. Vị là cảnh duyên của lưỡi. Có sáu loại mùi vị: chua, ngọt, đắng, cay, mặn, lạt. Xúc là cảnh duyên của thân. Vì tiếp xúc với quả xúc của tứ đại như: Trơn, nhám, nặng nhẹ, lạnh, nóng, đói, khát v.v...Nói Vô biểu sắc là luật nghi, bất luật nghi đều có trái lại với sắc, đây là sắc uẩn.

- Tâm pháp có sáu: Là: Nhân, nhĩ, ty, thiệt, thân ý, thức. Sáu thức này tức là thức uẩn.

- Tâm sở hữu pháp có bốn mươi sáu: Một là đại địa pháp đó là:

Có mười loại:

1. Thọ gọi là lãnh nạp
2. Tưởng là làm cho khiến tâm chấp cảnh.
3. Tư là làm cho tâm vận động
4. Tác ý là khiến tâm duyên cảnh
5. Thắng giải là làm cho tâm ấn khả (tin nhận) ở cảnh, tức là khiến tâm không khiếm nhược cảnh.
6. Dục là hy vọng mong cầu
7. Xúc là hòa hợp liễu cảnh
8. Tuệ là giản trạch lựa chọn
9. Niệm là làm cho tâm, rõ ràng nhớ không quên ở cảnh
10. Định là làm cho tâm chuyên chú một cảnh.

Như vậy mười loại biến khắp tất cả tâm, gọi là pháp đại địa.

Hai là pháp đại Thiên địa có mười.

1. Tín là khiến tâm lắng sạch ở cảnh
2. Bất phóng dật là tánh thường tập quen pháp thiện, giữ gìn tâm
3. Khinh an là tánh tâm kham nhận
4. Xả là khiến cho tâm bình đẳng

5. Tàm gọi là đối với người có các công đức và có đức cung kính mà trụ

6. Quý là thấy sợ hãi tội lỗi

7. Vô tham là không đắm vào hữu lậu.

8. Vô sân là không thích làm tổn hại các hữu tình

9. Bất hại là thương xót hữu tình khiến cho không tổn hại nào phiền

10. Cần là với việc thiện khiến cho tâm đồng mãnh. Như vậy mười loại biến khắp các tâm thiện, gọi là pháp đại thiện địa.

Ba là pháp đại phiền não địa: Có sáu:

1. Si là ngu si tức vô minh, không biết không hiểu.

2. Dật là buông lung không tu các pháp lành

3. Đãi gọi là biếng nhác, tâm không đồng mãnh

4. Bất tín là tâm không lắng sạch

5. Hôn trầm là tánh thân tâm tương tục, không kham nhận nổi việc gì, nghĩa là nhiều lớp tối tăm, mê muội

6. Trạo cử là tâm không tịch tĩnh. Như vậy sáu thứ biến khắp tâm phiền não, gọi là pháp đại bất thiện địa.

Bốn là pháp đại bất thiện địa: Có hai loại

1. Vô tàm, là đối với người có các công đức và đức độ, khiến cho tâm không cung kính.

2. Vô quý, là trong các tội lỗi, không thấy sợ hãi. Như vậy hai thứ biến khắp tâm bất thiện, gọi là pháp đại bất thiện địa .

Năm là pháp tiểu phiền não địa: Có mười loại.

1. Phẫn là khiến tâm hờn giận phát ra,

2. Hận là kiếm tìm suy nghĩ kết oán không buông xả. Các việc mà phẫn đã duyên trước đây.

3. Siểm là tâm quanh co

4. Cuống là mê hoặc hóa.

5. Tật là không chịu cho người khác có đức (ghanh).

6. Nảo là chấp các tội kiên cố, do đây không nhận lời răn khuyên hợp lý

7. Phú là che giấu tội lỗi của mình

8. Xan là khiến tâm keo bần, bủn xỉn tiếc rẻ tài pháp của mình.

9. Kiêu là nhiễm trước vào các thứ sắc lực chủng tộc v.v... mà tự thân có, làm cho tâm kiêu ngạo ngông nghênh.

10. Hại là thường làm bức bách người khác. Mười loại như vậy chỉ có Tu đạo mới đoạn hết, vì biến khắp ý thức địa, nên gọi là pháp tiểu

phiền não địa.

Sáu là pháp bất định, có tám loại.

1. Tâm là làm cho tâm chuyển tương ở cảnh
2. Từ là làm cho tâm chuyển tương vi tế ở cảnh
3. Ác tác là nghĩa hối hận lại nghiệp ác đã làm hối lỗi, ăn năn.
4. Thùy miên là không khả năng giữ thân tâm một cách liên tục theo mình, khiến cho tâm mê muội mờ tối
5. Sân là khiến cho tâm thích làm tổn hại
6. Tham là yêu đắm pháp hữu lậu.
7. Mạn là khiến tâm cậy chỗ dựa, đề cao mình.
8. Nghi là khiến cho tâm do dự. Tám loại này ở các địa trước không có định nên gọi là bất định.

Đối pháp Tập luận và ngũ uẩn luận nói mười một loại Thiện. Trong liễu tri tứ đế, gọi là vô si. Trong tùy phiền não chấp bất tịnh làm tịnh, nhiễm ô tác ý thắng giải, gọi là phi lý tác ý. Hiểu biết tà vạy. Trong phiền não căn bản, điên đảo suy đoán các điều lý nhiễm ô phần tuệ gọi là bất chánh tri. Không ghi nhận rõ ràng các sở duyên trong tùy phiền não, làm nhiễm ô phần niệm, gọi là thất niệm. Khiến tâm lênh láng mênh màng vào các cảnh sơ duyên, làm nhiễm ô phần định, gọi là tán loạn. Đối pháp tạng luận không nói như vậy.

Các tâm sở trên, trừ hai thứ thọ Tưởng còn đều là Hành uẩn thâm nhiếp. Nói tâm sở pháp xong về Bất tương ưng hành, có mười bốn loại Hữu tình tương tục, luật nghi tương ưng có vật khác gọi là đắc. Không tương ưng với luật nghi kia, có vật khác gọi là Bất đắc. Các loại hữu tình đồng làm sự nghiệp, gọi là Chúng đồng phần. Nếu sanh vào trời vô tướng hữu tình có pháp hay khiến cho tâm sở diệt, là thật có vật gọi là Vô Tướng quả. Lại có pháp khác hay khiến cho tâm, tâm sở diệt. Gọi là Vô Tướng định. Vô Tướng là tên Định, hoặc định Vô tướng, cũng gọi Vô Tướng định. Hoặc nói như sau: Bạc Thánh tương tục diệt tướng, thọ v.v... Là thật có vật gọi là Diệt Tận định. Hữu tình trong khoảng từ sanh đến trụ chưa chết gọi là Mạng căn. Trước không nay có gọi là sanh, khiến nay tạm thời trụ gọi là trụ chuyển biến gọi là lão, biến hoại gọi là vô thường. Tức là, bốn tướng hữu vi Năng thuyên tự thể gọi là Danh thân. Thuyên nghĩa rất ráo gọi là Cú thân. Hai sở y này gọi là mười bốn pháp: Văn Thân v.v... . Lại nghĩa thâm nhiếp bên trong phá hòa hợp chúng. gọi là không hòa hợp. Quả do tạo nghiệp tự ất thành thực. Giống như mắc nợ quyết không luống bỏ, cũng ràng buộc các vật khác v.v... Theo Nhất thiết Hữu bộ, sắc, Tâm sở, Bất tương ưng hành; cả ba đều có

vật riêng khác. Kinh Bộ sư nói: Ba pháp ấy là giả thuyết phần vị. Trong bốn mươi sáu tâm sở pháp trừ thọ, tưởng còn lại và bất tương ưng hành đều gọi Hành uẩn.

Nói về pháp vô vi đến phần sau sẽ biết. Như vậy, Sắc pháp tức là mười giới trừ vô biểu sắc đó tức là mười giới: Nhãn v.v... Tâm pháp bảy giới là sáu thức và ý căn giới. Như khi nói xứ tức là bảy pháp kia. Một Ý xứ thâm nhiếp Tâm sở hữu pháp bất tương ưng pháp, vô vi pháp, vô biểu sắc v.v... Tổng gọi là Pháp giới, cũng gọi là Pháp xứ. Như vậy đã nói đã biết năm pháp, năm uẩn, mười hai xứ và mười tám giới.

ĐẠO PHÁP PHẨM THỨ BA

Lại nữa đạo là đạo thiếu dục tri túc, chủng tánh đầy đủ là thân tâm xa lìa các thứ tạp nhạp. Trụ cận sự giới v.v... nên phải riêng nghe. Như rộng nghe rồi suy nghĩ nghĩa đã nghe. Suy nghĩ rồi nên tu tập. Nghĩa là phải tu chỉ quán. Nhiều Tham tu bất tịnh quán, nhiều sân tu từ bi quán, nhiều si tu phân biệt duyên sanh quán, nhiều ngã tu phân biệt giới quán, nhiều Tán loạn tu số tức quán. Chỉ quán thành rồi, tu Thắng giải. Hiểu rõ như pháp với trong và ngoài thân, gọi là thân niệm trụ; hiểu rõ khổ vui xả bỏ v.v... như pháp gọi là Thọ niệm trụ. Như hiểu rõ sáu thức tâm pháp. Như pháp gọi là Tâm niệm trụ; hiểu rõ tướng, hành, vô vi gọi là Pháp niệm trụ. Tu bốn pháp này là tích lũy (tư lương) cho trí tuệ, là tương lương của Đạo, tập rồi.

Tu đạo Gia hạnh: Trong Noãn vị đối với ác đã sanh khiến đoạn lìa, ác chưa sanh thì khiến cho không sanh; thiện đã sanh thì khiến cho tăng trưởng; thiện chưa sanh khiến cho sanh. Bốn pháp như vậy gọi là Tứ chánh cần (văn gọi là chánh đoạn). Trong Đảnh vị. Muốn định pháp thiện, nỗ lực vui định thiện. Tác ý định tâm thiện. lựa chọn định thiện. Như vậy gọi là Tứ thần túc. Trong Nhẫn vị, hành chánh kiến thế gian lẳng sạch gọi là Tín. Ưu tu thiện pháp gọi là Tấn, Ghi nhận rõ ràng không quên, gọi là Niệm Chuyên chú một cảnh, gọi là Định; Biết thủ xả pháp gọi Tuệ. Tu năm pháp này hay sanh ra thiện pháp, cho nên gọi là năm căn. Trong Thế Độ nhứt vị tu năm căn Tín, Tấn, Niệm, Định, tuệ có thể phá mọi sự trái nghịch gọi là Năm lực là đạo gia hạnh. Trong vị Kiến đạo liễu tri Tứ đế gọi là chánh Kiến. Chánh Ngữ phát khởi, gọi là Chánh Tư duy. Như pháp nói đúng, gọi là Chánh Ngữ, Xả bỏ bất thiện nghiệp gọi là Chánh Nghiệp. Xả bỏ tà mạng, gọi là Chánh Mạng. Mong cầu Thiện pháp, gọi là Chánh Tinh tấn. Ghi nhận rõ ràng không quên gọi là Chánh Niệm. Chuyên chú một cảnh gọi là Chánh Định.

Tám pháp như vậy gọi là Bát Thánh đạo chi.

Đây là Kiến đạo. Phân biệt phiền não, của kiến đạo đoạn và tướng đặc v.v... Nghĩa là dục giới Khổ đế: Tham, sân, mạn, vô minh, nghi, thân kiến hữu và biên chấp kiến, giới cấm thủ kiến, kiến thủ, tà kiến, Tập, Diệt hai đế, mỗi đế trừ ra ba kiến; bảy với bảy thành mười bốn. Thứ do Đạo đế, đoạn là trừ hai kiến trên. Tổng cộng Tứ đế của Dục giới gồm ba mươi hai thứ phải đoạn. Tứ đế sắc giới mỗi đế mỗi trừ ra sân cộng thành hai mươi tám. Vô sắc giới cũng vậy. Như thế ba giới, kiến đạo phải đoạn là tám mươi tám thứ phiền não.

Trong vị tu đạo: Ghi nhập rõ ràng thiện pháp gọi là Niệm giác chi. Lựa chọn thủ xả gọi là Tuệ giác chi. Mong cầu tinh tấn là Cần giác chi. Chứng vô lậu Hỷ gọi là hỷ giác chi. Thân tâm tánh tự tại gọi là Khinh an giác chi. Không bị pháp thế gian lôi kéo, không vướng mắc, không ngăn ngại gọi là Xả giác chi. Khiến cho tâm trụ cảnh gọi là Định giác chi. Tu bảy chi đây gọi vị là Tu đạo. Câu sanh phiền não của Tu đạo đoạn và tướng đặc vô ký hữu lậu thiện v.v... Trong Dục giới Tham, Sân, Si, Vô minh, bốn thứ, mỗi thứ đủ chín phẩm cộng thành ba mươi sáu.

Trong Sắc giới, Tĩnh lự thứ nhất trừ ra sân, còn lại ba, mỗi mỗi chín phẩm thành hai mươi bảy. Như vậy Tĩnh lự hai, ba, bốn cũng vậy. Sắc giới nói chung có một trăm lẻ tám số. Vô sắc giới như sắc giới. Mười pháp vô học. Như thế, phiền não do Tu đạo đoạn tổng tam giới, tổng thành một trăm năm mươi hai. Tiếp nói chứng đó. Gọi là Chánh Kiến, Chánh Tư duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định, Chánh Giải thoát, Chánh Giải thoát tri kiến là đạo Vô học.

QUẢ PHÁP PHẨM THỨ TƯ

Lại nữa quả như là chỗ trên đã nói ba mươi bảy phẩm Bồ đề pháp phần, là tự giải thoát luân hồi phát tâm lợi căn rất mau. Ba đời chứng quả A-la-hán.

Một đời tu thuận giải thoát phần thiện. Gọi là đạo tư lương.

Hai đời tu thuận quyết trạch phần thiện, gọi là đạo gia hạnh.

Ba đời cũng như Sa môn chứng quả thứ tư. Độn căn lười biếng, tức không nhất định vậy. Như Sa môn, Hưởng Dự lưu v.v... Bốn là qua. Hưởng Dự lưu là những thứ thuộc tình khí thế giới hiện tiền trước đạo Gia hạnh đều là khổ, tự tánh khổ tức là Khổ đế. Lại nữa kia nhân nghiệp và phiền não gọi là Tập đế, khiến cho kia giải thoát tức là Diệt đế. Lại nữa kia là nhân tức là đạo đế. Tu tập thuần thực do kia thứ tự chứng

Kiến đạo. Đầu tiên quán Khổ đế; Bốn pháp tánh là; chuyển biến gọi là Vô thường. Ba khổ gọi là Khổ. Thật có cùng với ta chẳng phải một uẩn, cho nên gọi là Không, Thật có cùng với ta khác biệt cho nên gọi là Vô ngã. Hiện chứng tứ trí. Tiếp quán Tập đế: Bốn pháp tánh là: Vì lý lẽ gieo trồng khổ nên là nhân, vì lý lẽ cùng hiện khổ nên là tập. Vì lý lẽ tương tục khổ, nên là sanh, vì lý lẽ tùy thuận khổ nên là duyên. Hiện chứng tứ trí.

Tiếp quán Diệt đế. Bốn pháp tánh, nhân khổ diệt cho nên diệt; quả khổ nghĩ dứt cho nên tĩnh, vượt qua hữu lậu cho nên diêu thoát luân hồi nên lìa. Hiện chứng tứ trí. Tiếp quán Đạo đế. Bốn pháp tánh. Nghĩa thông hành cho nên là đạo. Hợp với chánh lý cho nên là như. Tu vô niệm trí cho nên là hành. Hiện chứng tam trí.

Mười lăm thứ này gọi là hương Sơ quả. Thứ mười sáu đó là dùng đạo đế kia siêu xuất hẳn các hữu cho nên là xuất. Hiện chứng nhứt trí. Mười sáu thứ này là trụ Sơ quả.

Chứng tứ đế rồi, mười sáu hành tướng tu tập thuần thực, đoạn năm phẩm trước trong chín phẩm phiền não của tu đạo đoạn ở Dục giới gọi là Hương Nhất lai. Đoạn phẩm thứ sáu tức là quả Nhứt lai. Nhất lai đó, còn đến Dục giới thọ một lần sanh, cho nên ba phẩm sau tức là: Trong Dục giới một đời đoạn. Hiện chứng hành tướng tu tập thuần thực, đoạn phẩm bảy và tám gọi là Hương bất hoàn, là không trở lại nữa. Đoạn phẩm thứ chín gọi là quả Bất hoàn kia không trở lại, đó là đoạn hết tất cả phiền não trong Dục giới, tất nhiên không trở lại phạm phu trong Dục giới. Hiện chứng các địa hành tướng giới trên, tu tập thuần thực, bốn tĩnh lực, bốn vô sắc, mỗi chín phiền não đoạn: Sơ tĩnh lực đoạn một phẩm là bắt đầu, đến đoạn tám phẩm Hữu đảnh là cuối. Gọi là Hương A-la-hán. Đoạn hết phẩm thứ chín gọi là quả A-la-hán. Quả A-la-hán đoạn hết phiền não trong tam giới không còn sót lại, nên gọi là A-la-hán. Kinh nói: Càn Tuệ địa v.v... có tám đó là: Thanh văn Tư lương đạo, tức Càn Tuệ địa. Ái dục khô cạn căn cảnh không gặp lại nữa là sở tu thiện gọi là Càn Tuệ địa.

Chủng tánh địa, tức là đạo Gia hạnh chắc chắn không thành Phật, vì quyết định chủng tánh thành Thanh văn, Độc giác nên gọi là Chủng tánh địa. Bát nhơn địa đó là Hương Sơ quả, đến A-la-hán quả gọi là Bát nhơn địa. Cụ kiến địa là trụ Sơ quả vì thấy tứ đế, hành tướng hiện chứng thấy, cho nên gọi là Cụ Kiến địa. Bạc địa đó là quả Nhứt lai, đoạn hầu hết phiền não Dục giới rồi nên gọi Bạc địa. Ly dục địa đó là quả Bất hoàn đã lìa tham dục v.v... trong Dục giới gọi là Ly dục địa. Dĩ biện địa

tức là A-la-hán. Khổ đã biết rồi, tập đã đoạn rồi, diệt đã chứng rồi, đạo đã tu rồi, nên gọi là Dĩ biện địa. Thanh văn địa tức là Bất lai, bất hoàn, A-la-hán, cả ba đều gọi là Thanh văn địa. Bích chi Phật địa là, như trên đã nói ba mươi bảy phẩm Bồ đề pháp phần, chỉ có tự một người muốn chứng Bồ đề. Như vậy phát tâm tu trăm đại kiếp, dùng thân sau cùng sanh vào đời không Phật, cũng không có Thầy dạy tự tu thành chứng Độc giác. Đây có hai loại:

Một là Lâm giác, tức một mình ở riêng lẽ đủ Thánh đức hạnh. Hai là Bộ hành đó là cùng với quần chúng ở.

Cứu cánh chánh giác là như trên nói ba mươi bảy phẩm Bồ đề pháp phần vì các chúng hữu tình mà thành Phật, cho nên phát khởi đại bi tâm Bồ đề thù thắng phụng sự chư Phật thấy đều khiến hoan hỷ. Vì lợi ích người khác cho nên hành lục độ hạnh.

Ba vô số kiếp rốt ráo thành Phật đó là thuở xưa Đức Thích Ca Như Lai là người làm thợ gốm, tên gọi là Đại Quang Minh, nơi chỗ của Đại Thích Ca Như Lai, ban đầu sơ phát tâm đến vô số kiếp thứ nhất phụng sự bảy vạn năm ngàn Đức Phật, đến Đức Phật sau cùng tên gọi Bảo Kế. Vô số kiếp thứ hai phụng sự bảy vạn sáu ngàn Đức Phật, đến Đức Phật sau cùng tên gọi là Nhiên Đăng. Vô số kiếp thứ ba phụng sự bảy vạn bảy ngàn Đức Phật, đến Đức Phật sau cùng tên gọi là Thắng Quan. Hành sáu độ là dùng tâm đại bi đối với các hữu tình chỗ có của cải vật dụng thấy đều thi ân bố thí vì độ khắp. Khi làm Thái tử Phổ Độ là: Thí Ba-la mật rốt ráo viên mãn. Chưa lia tham dục, bị chặt chân tay chi thể mà tâm không chút giận hờn là khi làm vị tiên Nhẫn Nhục. Hai hạnh Nhẫn, Giới rốt ráo viên mãn là khi làm con của một người Bà la môn. Nhìn Phật Đế Sa trụ Hỏa Giới định, rồi đứng một chân trải qua bảy ngày đêm, đi vòng tròn tán thán ca ngợi rằng:

*Thiên địa thử giới đa văn thất
Thệ cung, Thiên xứ thập phương vô
Trượng phu Ngưu vương Đại Sa môn
Tâm địa sơn lâm biến vô đẳng.*

Tạm dịch:

*Trời đất giới này nghe nhiều nhà
Cung trời thệ xứ mười phương không
Bậc trượng phu Ngưu vương Đại Sa môn
Tìm khắp rừng núi chẳng ai bằng.*

Như thế tán thán ca ngợi rồi bèn siêu chín kiếp, đạt Tinh tấn Ba-la-mật rốt ráo viên mãn. Ở nơi viên mãn, tòa ngồi Kim cang. Đầu đêm

hàng các lũ ma, cuối đêm đặc Kim cang, dụ định, tức hai hạnh Định, Tuệ rốt ráo viên mãn. Như thế, trước khi ngồi tòa Kim cang hàng ma, đã trải qua ba vô số kiếp tu phúc trí đầy đủ, phụng sự chư Phật. Lúc độ tu viên mãn mà ngay thân chúng sanh ngồi tòa Kim cang, chứng Kiến, tu đạo, thành Đẳng chánh giác. Trong Thanh văn Thừa, khi tu nhân không nói liễu tri, các pháp vô ngã, không, bi thí hạnh, tam luân thể không, hành tướng mười địa; khi tứ quả không nói báo thân và tứ trí v.v...

Pháp chánh giác thuộc về sáu loại. Gọi là Thân trí đoạn. Lợi tha đại bi đức đầy đủ v.v... Thân có hai: Một đó là Sắc thân. Và pháp thân. Sắc thân là thân, đủ ba mươi hai tướng tám mươi vẻ đẹp, tự tánh thân. Độ Càn-thác-bà và Bí-lăng-già. Thị hiện Càn-thác-bà vương và Chuyển luân Thánh vương, tức là hóa thân. Bởi chư Phật với chủng tánh thân lượng, thọ mạng, quốc độ và các căn cơ, cũng có các loại khác nhau.

Hai pháp thân đó: Có mười vô học pháp, chư Phật đều đồng nhau. Trí có hai: Là Biến trí và Chánh trí. Biến trí là hiểu rõ thể tánh, uẩn, giới xứ, nhân, quả nên gọi là Biến trí. Chánh trí là biết trong tứ đế các pháp đều vô thường, nên gọi là Chánh trí.

Đoạn có hai: Đoạn phiền não chướng và đoạn sở tri chướng. Đoạn phiền não chướng là đối trị các căn bản phiền não như tham v.v... và tùy phiền não khiến cho đoạn diệt. Đoạn sở tri chướng, là khi đối trị cảnh năng chướng, tự tánh pháp vô tri, khiến cho đoạn diệt.

Lợi tha đó có hai: Một là an trí sự giải thoát xả bỏ những mâu thuẫn cho các hữu tình trụ vào đạo. Hai là an trí các điều thiện, xả bỏ ác cho các hữu tình trụ vào thiện. Đại bi và đức, sẽ nói ở sau: Chư Thánh bình đẳng mà nói các công đức, có mười một. Gọi là Vô tránh nguyện trí, Tứ Vô ngại giải, Lục Thông. Tứ tinh lự. Tứ vô sắc, Tứ vô lượng, Bát giải thoát, Thập biến xứ, Bát Thắng xứ Tam Đẳng trì v.v...

Vô tránh là dựa vào tâm tinh lự thứ tư. Nguyện các hữu tình chớ có duyên tự thân, sanh các phiền não, tư duy đẳng trì (định) nên gọi là Vô tránh.

Nguyện trí là dựa vào tâm tinh lự thứ tư, lấy nguyện làm trước, dẫn như trí khởi như nguyện liễu tri, nên gọi là Nguyện trí.

Tứ vô ngại giải đó là:

1. Pháp giải vô ngại, biết tên của các pháp.
2. Nghĩa vô ngại giải, là chánh tri nghĩa.
3. Từ giải vô ngại, là chánh tri ngôn từ.
4. Biện tài vô ngại giải. Là Chánh tri chánh lý đúng, gọi là tứ vô

ngại giải.

Lục thông là:

1. Thần cảnh thông là đạo đi xuyên qua vách đá v.v... không bị ngăn ngại.

2. Thiên nhĩ thông: Như các âm thanh gần xa khác nhau đều nghe rõ.

3. Thiên nhãn thông; Thấy tất cả các sắc Phương, cực vi, bị ngăn cách, tùy ý mà thấy được.

4. Tha tâm thông, có thể biết được tâm người khác, là có hay Kinh có ham muốn.

5. Túc trụ thông, biết việc đời trước của mình và người.

6. Lưu tận thông, biết rõ tất cả đạo thế, xuất thế. Năm thần thông trước là hữu lậu dựa vào tính lự thứ tư. Thứ sáu là vô lậu, dựa vào định thứ chín (cửa thứ đệ định)

Bốn Tĩnh lự: Sơ Tĩnh lự vốn có năm chi: Tầm, Từ, Hỷ, Lạc, Đăng trì.

Tĩnh lự thứ hai vốn có bốn chi: Nội đẳng tịnh, Hỷ, Lạc, và Đăng trì. Tĩnh lự thứ ba vốn có năm chi: Hành xả, Chánh niệm, Chánh Tuệ, Thọ lạc, và Đăng trì.

Tĩnh lự thứ tư vốn có bốn chi: Hành xả thanh tịnh, Niệm thanh tịnh, Không khổ, Không lạc thọ và Đăng trì.

Bốn vô sắc: Khi tu gia hạnh, tư vô biên không và vô biên thức, vô sở hữu, dùng chánh định khi ấy trừ bỏ sắc dựa vào bốn uẩn còn lại.

Thứ tư gọi là do mờ tối, yếu kém tức vô minh mạnh được gọi là Phi tưởng, có tưởng mờ tối thấp kém, nên gọi là Phi phi tưởng. Như vậy thứ tự Không vô biên. Thứ vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng, phi phi tưởng xứ, gọi là bốn vô sắc. Nếu thêm Diệt tận định cũng gọi là cửa thứ đệ định.

Tứ vô lượng là Từ Bi, Hỷ và Xả. Hai loại đầu lấy, vô sân làm thể. Hỷ tức là Hỷ thọ. Xả tức là không tham. Cảnh sở duyên là sự sân hại và dục tham vui mừng an ủy của hữu tình Dục giới. Như thứ tự đó mà đối trị. Bát giải thoát là, dựa vào Sơ nhị tĩnh lự.

1. Bên trong tưởng có sắc, quán các sắc ngoài, mà được giải thoát dùng tưởng bất tịnh chuyển làm tưởng tướng trạng ứ đọng máu mủ bầm xanh. Tức dùng sắc quán sắc.

2. Bên trong tưởng không sắc, quán các sắc ngoài mà giải thoát tức quán bên trong không có sắc.

3. Dựa vào các tĩnh lự sau mà giải thoát. Thân sở chứng đầy đủ mà

trụ, quán tất cả sắc là trong sạch tươi sáng. Ba giải thoát này rồi tứ vô sắc định là bốn giải thoát tiếp theo. Diệt thọ tướng định là giải thoát thứ tám. Dựa vào tâm Hữu đẳng, các Thánh nhằm chán các thọ tướng thô phù dùng định tịch tĩnh diệt tâm và tâm sở gọi là Diệt tận định.

Thập Biến xứ. Là quán sát cùng khắp Địa, Thủy, Hỏa, Phong, xanh, vàng đỏ, trắng, cho đến Không và Thức hai vô biên xứ.

Dựa vào tính lự thứ tư duyên nơi dục có thể thấy sắc, như thế quán sát khắp ở địa v.v... không chỗ nào sót. Tám xứ trước lấy vô tham làm thể. Hai xứ sau Không Thức lấy vô sắc làm thể vì là tự tánh của nó.

Tám Thắng xứ:

1. Bên trong tướng có sắc, quán sắc bên ngoài ít.
2. Bên trong tướng có sắc, quán sắc bên ngoài nhiều.
3. Bên trong tướng không sắc, quán sắc bên ngoài ít.

4. Bên trong tướng không sắc, quán sắc bên ngoài nhiều. Bên trong tướng không sắc, quán sắc ngoài: Xanh, vàng, đỏ, trắng là bốn đầy đủ như trước thành tám. Hai Thắng xứ đầu như giải thoát thứ nhất (trong Bát giải thoát). Hai Thắng xứ kế, tức giải thoát thứ hai. Bốn Thắng xứ sau tức giải thoát thứ ba. Như vậy tám thắng xứ cùng với ba giải thoát. Như trước tu giải thoát chỉ có thể xả bỏ không trái. Đây tu Thắng xứ có thể ngăn chặn sở duyên. Tùy theo ý muốn mà quyết không khởi. Lại tu giải thoát v.v... Một là vì các hoặc, đã đoạn lại xa lìa. Hai là nơi định, được thắng tự tại hay dẫn khởi các đức vô tranh, v.v... và thần thông, thù thắng. Do đây bèn có thể chuyển biến các việc, khởi lên lưu giữ hay xả bỏ các loại làm nhân.

Tam Tam-ma-địa đó là: Không, Vô tướng, Vô nguyện. Không Tam-ma-địa đó, là hai loại hành tướng không phi ngã, tương ứng với đẳng trì.

Vô tướng Tam-ma-địa duyên bốn loại hành tướng, của Diệt đế tương ứng với đẳng trì. Niết bàn vô tướng, là mười tướng, nên gọi là vô tướng. Năng duyên định kia, được tên Vô tướng. Vô nguyện Tam-ma-địa đó là duyên mười hai hành tướng của các đế, tương ứng đẳng trì. Nhân khổ vô tướng đáng nhằm chán, đạo như thuyền bè, ắt phải nên bỏ. Năng duyên định kia được tên Vô nguyện, đều vì vượt qua, những đối đãi hiện hữu. Các công đức này đều gọi là câu giải thoát. A la hán, Bích chi Phật, Như Lai cùng có công đức này. Còn Tuệ giải thoát thì không có ba Đẳng trì và bốn tâm vô lượng. Công đức bất cộng của Như Lai có mười tám loại: Mười lực, Bốn vô sở úy, ba niệm trụ và một đại bi. Mười lực:

1. Xứ phi xứ trí lực
2. Các nghiệp dị thực trí lực
3. Tình lực giải thoát đẳng trì đẳng chí trí lực
4. Căn thượng hạ trí lực
5. Chủng chủng thắng giải trí lực.
6. Chủng chủng giới trí lực
7. Biến thú hành trí lực
8. Túc trụ tùy niệm trí lực
9. Sanh tử trí lực
10. Lậu tận trí lực.

Bốn Vô sở úy là:

1. Chánh đẳng giác vô úy.
2. Lậu tận vô úy,
3. Thuyết chướng vô úy,
4. Thuyết đạo vô úy. Do có trí lực nên không hề sợ hãi người

khác gọi là vô úy.

Nói đến Ba niệm trụ đó là: Như Lai thuyết pháp, các đệ tử v.v... một lòng cung kính, vâng theo chánh nhận phụng hành,

Như Lai duyên đó không sanh hoan hỷ mà xả bỏ trụ vào chánh niệm chánh tri. Như vậy gọi là Niệm trụ thứ nhất của Như Lai. Các chúng đệ tử không cung kính, không chánh thọ hành. Như Lai duyên không sanh buồn cảm, âu sầu xả bỏ mà chánh niệm chánh tri. Như vậy gọi là của niệm trụ thứ hai Như Lai. Các chúng đệ tử, một loại cung kính năng chánh thọ hành, một loại không cung kính, không chánh thọ hành, Như Lai cũng không sanh vui mừng hay buồn cảm mà xả bỏ an trụ trong chánh niệm, chánh tri. Như vậy gọi là niệm trụ, thứ ba của Như Lai. Ba niệm trụ đây đều dùng niệm Tuệ làm thể. Cho nên gọi là Niệm trụ.

Đại bi là nơi các thế gian, ngày đêm sáu thời, quán sát thế gian, ai khổ, ai vui, ai nên điều phục, tùy theo nên có lợi lạc, cho nên gọi là đại bi. Kinh Đại thừa chỗ nói: Đức Như Lai có mười tám pháp bất cộng; ba pháp bất hộ v.v..., Thanh văn thừa kia chưa từng nghe vậy.

Vô Vi Pháp phẩm thứ năm.

Lại nữa pháp vô vi có ba loại.

1. Hư không.
2. Trạch diệt
3. Phi trạch diệt.

- Hư không vô vi. Hư không nhưng lại ấy, không có làm tánh. Do không chướng ngại khắp tất cả chỗ gọi là hư không vô vi sắc hành bên

trong. Ngoài ra, hư không của những chỗ như cửa sổ, nơi khe hở sáng tối v.v... và A Già sắc v.v... đều chẳng phải là Hư không vô vi.

- Trạch diệt vô vi: Nghĩa là trí vô lậu đã đoạn lìa các chướng ngại, nhiệm trước. Tu Kiến, Tu đạo đã hiển hiện chơn lý nên gọi trạch diệt vô vi.

- Phi Trạch diệt vô vi: Nghĩa là vĩnh viễn làm chướng ngại pháp vị lai sanh ra, đắc diệt, diệt được pháp khác trước nên gọi phi trạch diệt, không nhân lựa chọn do thiếu duyên. Gọi là phi trạch diệt. Đây là ba loại vô vi. Nhất thiết Hữu bộ cũng cho phép có vật thật.

Kinh bộ sư nói: Không có tạo tác Hối. Chân như cố sao không phải vô vi? Đáp: Bởi vì kia là vô ngã, vì Thanh văn thừa không nói pháp vô ngã. Người vô ngã, tức là vô thường v.v... mười sáu hành tướng. Hành tướng, của ba đế tức là hữu vi. Hành tướng Diệt đế chỉ có pháp trạch diệt chẳng phải pháp nào khác. Như vậy khí tình, đạo quả vô vi, sở tri năm thứ tổng nhiếp tất cả sở tri pháp. Pháp tình khí tức là khổ đế. Thành nhân kia, tức là Tập đế. Hai pháp Đạo quả, tức là Đạo đế; Trạch diệt vô vi tức là Diệt đế Hai thứ. Hư không, phi trạch vô vi. Ba loại chẳng phải tứ đế nhiếp, khổ tập hai đế là pháp hữu lậu. Đạo, diệt hai đế là pháp vô lậu. Như vậy đã nói thế xuất thế gian, hữu vi, vô vi, các pháp vốn biết đã xong.

*Chủng tướng phú cụ túc
 Duệ trí hoàng thái tử
 Số số cầu thỉnh cố
 Tuệ tràng cát tường hiên
 Niệm trụ nhật tàng luận
 Khởi thế đối pháp đẳng
 Y bỉ tạo thử luận
 Hữu tình sở tri luận
 Hữu tình sở tri luận
 Cơ nghi hữu vô biên
 Toán lược liệt vi ngũ
 Vị khí, tình, đạo quả
 Tinh vô vi pháp đẳng
 Cố kim minh khai thị
 Duệ duệ hiểu giải giả
 Duy tư chướng sở tri
 Giải dĩ phục thị tha
 Thử luận văn cú đẳng*

*Quai nghĩa giải đãi quá
Trí giả tinh khái thỉnh
Duy nguyện thùi nhẫn nạp
Sở sanh chư thiện căn
Chư biến hư không giới
Ngã cộng chư chúng sanh
Nguyện chứng vô thượng quả.*

Nghĩa là:

*Hoàng thái tử trí sáng
Chủng tướng giàu đầy đủ
Thường luân cầu thỉnh học
Thần (bề tôi) Tuệ Tràng cát tường
Ngày đêm nghĩ suy luận
Khởi đối pháp ở đời v.v...
Theo đây mà tạo luận.
Hữu tình sở tri luận
Cơ, nghi cũng vô biên
Tóm lược nêu làm năm
Là khí, Tinh, đạo, Quả
Với một pháp Vô vi
Nên nay nói rõ ra
Người hiểu biết sáng suốt
Chỉ chương sở tri này.
Hiểu rồi chỉ người khác.
Văn cú v.v... của Luận đây
Nếu nghĩa chẻnh mảng, sai
Xin các bậc Trí giả
Thùy từ nhận sửa cho.
Chỉ nguyện sanh thiện căn
Khắp cõi hư không này
Con và các chúng sanh
Nguyện chứng quả vô thượng.*

Chương sở tri luận vì Hoàng Thái tử chân kim. Bồ Tát cầu thỉnh nên Pháp vương Thượng sư Tát-tư-ca. Đại Ban-di-đạt Túc Trần Đảnh trao cho. Tỳ khưu Phát-tư-ba, các Tuệ Tràng, cát Tường Hiền. Khi ấy, là năm Nhâm dần trọng thu hạ tuần có ban ngày trực Quỷ Túc. Nơi Đại Kiết Tường. Tát tư ca pháp tịch tập hợp lại xong. Trì kinh, luật, luận Diệu Âm Tinh trí, Sư tử bút thọ

Trong Đại kinh nói rằng: Sum la và vạn tượng, sở ẩn là một pháp, trùng trùng giao quang với nhau, lớp lớp đều hiện, há chẳng phải hiện lượng pháp giới ư! Chương Sở tri luận đây, do Tiên Hoàng Dụ Tông Hoàng đế, bậc Thánh minh quán chiếu, thần trí sáng soi, khởi lòng xót cho bọn, huyền hoặc tà kiến, thương cho con đường chánh bị bớt lối đi mới ân cần mời thỉnh Pháp vương Đế sư (Thầy của vua) vì lợi lạc cho loài hữu tình, mà xiển dương chân lý tối giác. Có nguyên thủy phải có cuối cùng, đại ý tu tập thứ tự là vậy. Rộng mà kín; sâu mà hợp điển chương. Nhưng vàng để lâu hoen ố, gấp vóc cũ kỹ, tùy thuộc đồ dụng, nên nghĩa tóm lại làm năm, cho đến phải quy về một.

Ấy là nói khí, tình thế giới, chẳng phải như phàm phu, bọn đui mù sờ mó voi mà chấp khác nhau, hoặc nói một khí, hoặc gọi là tự nhiên, mà chỉ thẳng do tâm tạo ra. Thuyết minh tường tận kiếp ban đầu vượt ngoài lưới chụp bắt cực; mổ xẻ đến tận bên trong Lân hư trần, giống như đến xem gương, như chỉ bàn tay là thấy được ngay. Nói đạo pháp thì dùng đạo ít muốn biết đủ, văn, tư, tu, tuệ, ba mươi bảy Bồ đề phần pháp phân làm nhân để tu hành. Nói pháp quả thì lấy tư lương gia hạnh, kiến đạo, Tu đạo, pháp vô học tu tập vô vi. Đó là quả. Nói vô vi đó là. Lý Diệt đế trong tứ Thánh đế.

Do năm pháp đó tổng nhiếp, tất cả pháp vốn biết, cho nên gọi là Chương Sở tri luận. Cái chân trí linh tri, há cho là thấy, nghe, giác, biết mà được!

Phải thâm nhập vào duyên khởi, đến tận cùng pháp thật tướng mới được. Bởi vì dựa vào Niệm xứ, nhưng mà ngày tích lũy khởi lên cái nghĩa đối pháp tương ứng ở đời mà hoàng dương kỷ cương lẫn lộn. Vậy thì, cõi trời Tha hóa vua có thần thông đạo lực, quán sát thế giới vi trần đếm từng giọt mưa, như mắt nhìn vật thọ dụng, Thanh văn khởi dụng thần quán sát tam thiên đại thiên thế giới, xem như quả Am-ma-la. Trong bàn tay hướng chi diệu dụng của chánh biến tri! Ngoài đó ra ai có thể nói đây, cái thịnh của hoa Ưu đàm ở đời, cái thời kỳ trời khai mở lịch ngọc, sự hưng vượng của thời Tượng giáo, lẽ tự vì của thời Kim Luận! Kính nghe. Thánh chế rằng: Dưới trời, trên mọi người, đại Nguyên Đế sư là một đệ tử Phật ở Tây trúc, được Sư ban tặng ngọc tỷ ấn vua. Lễ tôn sư trong đạo càng nồng đượm. Vì để làm điển chương phép tắc cho muôn đời Đế vương vậy.

Hành Tuyên Chính Viện Đồng Tri Liêm Công, Chánh Phụng sớm đã được thọ ký, ưa sâu Phật thừa. Một ngày đến Chiết Giang đầu nhận được bản “Chương sở tri Luận của Đại sư Sa-la-ba đã dịch, bèn truyền

bá trước tiên cho tám đại sư chư Tăng lục ở phủ Tùng Giang. Các sư tiếp tục chạm Khắc vào Đại Tạng Thánh giáo, lúc ấy mừng như được của báu, khắc bản gỗ theo Hàm (trong chánh tạng) Lời tựa của tôi sau đây lời lẽ không tránh khỏi vụng về, nhưng để thuật lại nguyên do khởi giáo, cũng là góp chút ít làm cho hoàn mỹ Thánh giáo đã phát huy. Tức cũng để hoàn bị lời tựa xưa của vu công đã nói.

Lúc ấy năm Bính Ngọ tháng mười ngày rằm. Giang Tây-Tiền Cát Châu Lộ quan, giảng ở chùa Báo Ân. Giảng Kinh-Đại Đức Thích Khắc Dĩ đề tựa.

